

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026 CÁC LỚP ĐẠI HỌC - NGÀNH VIỆT NAM HỌC

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tổng tiết	Phòng	Thứ	Tiết bắt đầu	Số tiết buổi	Bắt đầu	Kết thúc	Sĩ số	Danh sách giảng viên	Mã lớp
1	2510DUL048L01	Quy trình và phương pháp	45	B3-107 (C2-13)	6	1	5	22/08/2025	24/10/2025	36	ThS. LÊ QUANG VINH	22627
2	2510NNH021.1L01	Ngữ âm tiếng Việt	30	B4-206	5	1	5	21/08/2025	02/10/2025	16	ThS. PHAN TRẦN	22627
3	2510VNH044L01	Phong cách học	30	B4-206	7	1	5	06/09/2025	11/10/2025	16	TS. PHAN THANH TÂM	22627
4	2510DUL015L01	Hệ thống chính trị và các văn bản	30	B3-408 (C2-43)	5	1	5	09/10/2025	13/11/2025	36	ThS. HỒ TIỂU BẢO	22627
5	2510VNH036L01	Văn hoá du lịch	30	B3-308 (C2-33)	4	1	5	08/10/2025	12/11/2025	36	TS. PHẠM NGỌC	22627
6	2510VNH052L01	Ngữ pháp tiếng	45	B4-306	2	6	4	18/08/2025	10/11/2025	16	TS. NGUYỄN HUỲNH	22627
7	2510NNH038L01	Từ vựng tiếng Việt	30	B4-305	6	1	5	22/08/2025	03/10/2025	15	TS. NGUYỄN HOÀNG	22627
8	2510VNH084L01	Dụng học Việt ngữ	30	B4-405	4	6	4	20/08/2025	08/10/2025	16	TS. NGUYỄN HUỲNH	22627
9	2510VNH065L01	Kỹ năng dẫn	30	B3-006 (C2-02)	4	1	5	20/08/2025	24/09/2025	40	ThS. TRẦN THỊ NGỌC	22627
10	2510DUL007L01	Địa lý du lịch Việt	45	B3-310 (C2-35)	3	1	5	19/08/2025	28/10/2025	36	TS. NGUYỄN THU CÚC	22627
11	2510DUL007L01	Địa lý du lịch Việt	45	B4-310	3	1	5	19/08/2025	28/10/2025	36	TS. NGUYỄN THU CÚC	22627
12	2510VNH116L01	Thực tập hướng	90							51		22627
13	2510VNH071L01	Văn hoá Ấn Độ và	45	B5-302 (A1-32)	6	2	4	03/10/2025	12/12/2025	54	PGS TS. PHAN ANH TÚ	23627
14	2510VNH077L01	Anh văn chuyên ngành Việt Nam	60	B4-308	6	6	4	22/08/2025	21/11/2025	21	ThS. TRẦN THỊ NGỌC MAI	23627
15	2510VNH067L01	Nhập môn nghệ	30	B3-002 (C1-02)	5	1	5	11/09/2025	23/10/2025	51	TS. NGUYỄN NGỌC	23627
16	2510VNH064L01	Kiến trúc Việt Nam	30	B3-401 (C1-41)	4	1	5	12/11/2025	17/12/2025	56	ThS. VŨ NGỌC TUẤN	23627
17	2510VNH072L01	Văn hóa Đông Bắc	45	B3-108 (C2-14)	2	6	4	08/09/2025	27/11/2025	52	TS. HOÀNG THỊ	23627
18	2510VNH041L01	Hệ thống chính trị	30	B3-007 (C2-03)	4	1	5	20/08/2025	24/09/2025	49	TS. HUỲNH ĐỨC	23627
19	2510VNH066L01	Mỹ thuật, âm nhạc	60	B3-006 (C2-02)	4	6	4	20/08/2025	26/11/2025	53	TS. TRẦN DŨNG	23627
20	2510VNH077L02	Anh văn chuyên ngành Việt Nam	60	B4-308	3	6	4	19/08/2025	02/12/2025	27	TS. NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	23627
21	2510VNH071L01	Văn hoá Ấn Độ và	45	P9-02	6	2	4	03/10/2025	12/12/2025	54	PGS TS. PHAN ANH TÚ	23627
22	2510DAI013L05	Dẫn luận ngôn ngữ	30	B3-407 (C2-42)	4	6	4	15/10/2025	03/12/2025	48	ThS. TÔ KHÁNH DUY	24627
23	2510DAI006L02	Môi trường và	30	B3-005 (C2-01)	4	6	4	20/08/2025	03/10/2025	103	TS. NGUYỄN THANH	24627
24	2510DAI016L02	Lịch sử văn minh	45	B3-105 (C2-11)	7	6	4	23/08/2025	22/11/2025	42	ThS. LÊ TRẦN QUANG	24627
25	2510DAI050L09	Lịch sử Đảng Cộng	30	B5-204 (A1-24)	6	1	5	17/10/2025	21/11/2025	99	TS. VŨ THỊ NGÀ	24627
26	2510VNH069L01	Sân khấu truyền thống VN	45	B3-307 (C2-32)	3	1	5	19/08/2025	21/10/2025	59	TS. NGUYỄN THỊ HUỲNH TRANG	24627
27	2510VNH005L01	Các tôn giáo ở Việt Nam	30	B4-401	5	6	4	16/10/2025	11/12/2025	56	TS. DƯƠNG HOÀNG LỘC, ThS. NGUYỄN	24627
28	2510VNH055L01	Ấm thực-trang	60	B3-401 (C1-41)	2	1	5	18/08/2025	10/11/2025	56	TS. NGUYỄN DUY	24627
29	2510VNH068L01	Phong tục, lễ hội	30	B3-406 (C2-41)	5	6	4	21/08/2025	09/10/2025	56	TS. NGUYỄN DUY	24627

30	2510DAI012L11	Cơ sở văn hoá Việt	30	B3-204 (C1-24)	3	1	5	25/11/2025	30/12/2025	63	TS. TRẦN THỊ KIM	25627
31	2510DAI017L06	Tiến trình lịch sử	45	B5-105 (A1-15)	5	6	4	09/10/2025	08/01/2026	78	ThS. DƯƠNG THÀNH	25627
32	2510DAI047L16	Triết học Mác -	45	B4-301	6	6	4	17/10/2025	26/12/2025	70	TS. NGUYỄN ANH	25627
33	2510VNH009L01	Địa lý Việt Nam (tự nhiên – nhân văn –	45	B5-404 (A1-44)	3	6	4	23/09/2025	23/12/2025	65	TS. NGUYỄN THU CÚC	25627
34	2510SHT001L26	Sinh hoạt định hướng đầu khóa	30							59	TS. HÀ TRIỆU HUY, TS. ĐÀO TUẤN HẬU	25627
35	2510VNH009L01	Địa lý Việt Nam (tự nhiên – nhân văn –	45	B3-002 (C1-02)	3	6	4	23/09/2025	23/12/2025	65	TS. NGUYỄN THU CÚC	25627
36	2510VNH029L01	Tiếng Việt thương	30	C410	2	6	5	18/08/2025	29/09/2025	13	TS. PHAN THANH TÂM	22VNH
37	2510VNH041L02	Hệ thống chính trị	30	C410	3	6	5	19/08/2025	30/09/2025	13	TS. HUỖNH ĐỨC	22VNH
38	2510VNH046.1L01	Văn học dân gian Việt Nam	30	C410	6	6	5	22/08/2025	26/09/2025	10	TS. NGUYỄN THỊ HUỖNH TRANG	22VNH
39	2510VNH087L01	Mỹ thuật, âm nhạc	30	C410	4	6	5	20/08/2025	24/09/2025	12	TS. NGUYỄN THỊ NHƯ	22VNH
40	2510VNH099L01	Lịch sử cận hiện	30	C410	5	6	5	21/08/2025	25/09/2025	13	TS. LÊ THỊ MỸ HÀ	22VNH
41	2510VNH048L01	Thực tập	30							13		22VNH
42	2510DAI013L10	Dẫn luận ngôn ngữ	30	C410	2	1	5	27/10/2025	01/12/2025	12	TS. NGUYỄN HOÀNG	23VNH
43	2510DAI017L08	Tiến trình lịch sử	45	C410	2	1	5	18/08/2025	20/10/2025	9	TS. HUỖNH ĐỨC	23VNH
44	2510DAI023L11	Nhân học đại	30	C410	4	1	5	20/08/2025	24/09/2025	12	TS. PHẠM NGỌC	23VNH
45	2510DAI033L12	Phương pháp	45	C410	5	1	5	21/08/2025	16/10/2025	10	TS. LÊ THỊ MỸ HÀ	23VNH
46	2510VNH052L02	Ngữ pháp tiếng	45	C410	3	1	5	19/08/2025	21/10/2025	15	TS. PHAN THANH TÂM	23VNH
47	2510VNH053L01	Đại cương văn học Việt Nam	45	C410	4	1	5	01/10/2025	26/11/2025	13	TS. NGUYỄN THỊ HUỖNH TRANG	23VNH
48	2510VNH015L01	Nhập môn khu vực học – Việt Nam học	30	C410	6	1	5	22/08/2025	26/09/2025	11	ThS. NGUYỄN THU LAN	23VNH
49	2510VNH025.1L01	Tiếng Việt học thuật: Đọc	75	C206	3	6	5	19/08/2025	02/12/2025	20	TS. NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG, TS. PHAN THANH TÂM	24VNH
50	2510VNH026.1L01	Tiếng Việt học	75	C206	5	6	5	21/08/2025	27/11/2025	22	ThS. NGUYỄN THU	24VNH
51	2510VNH027.1L01	Tiếng Việt học	75	C206	2	6	5	18/08/2025	01/12/2025	20	ThS. BÙI THỊ DUYÊN	24VNH
52	2510VNH028.1L01	Tiếng Việt học	75	C206	6	6	5	22/08/2025	28/11/2025	23	TS. NGUYỄN HUỖNH	24VNH
53	2510TC1014L06	Võ thuật 1	45	Nhà thi đấu	6	3	3	10/10/2025	09/01/2026	61		25602, 25603, 25604,
54	2510TC1001L10	Aerobic 1	45	Nhà thi đấu	6	1	3	10/10/2025	09/01/2026	60		25602, 25603, 25604,
55	2510TC1004L06	Bóng chuyền 1	45	Nhà thi đấu	6	3	3	10/10/2025	09/01/2026	60		25602, 25603, 25604,

56	2510TC1008L10	Cầu lông 1	45	Nhà thi đấu	6	1	3	10/10/2025	09/01/2026	61		25602, 25603, 25604,
57	2510TC1001L11	Aerobic 1	45	Nhà thi đấu	6	3	3	10/10/2025	09/01/2026	60		25602, 25603, 25604,
58	2510TC1002L04	Bơi lội 1	45	TDTT (Đối diện	6	1	3	10/10/2025	09/01/2026	56		25602, 25603, 25604,
59	2510TC1008L11	Cầu lông 1	45	Nhà thi đấu	6	3	3	10/10/2025	09/01/2026	62		25602, 25603, 25604,
60	2510TC1004L05	Bóng chuyền 1	45	Nhà thi đấu	6	1	3	10/10/2025	09/01/2026	61		25602, 25603, 25604,
61	2510DAI015L09	Thực hành văn	30	B3-304 (C1-34)	3	1	5	23/09/2025	28/10/2025	113	ThS. VÕ TUẤN VŨ	25627, 25705
62	2510DAI024L13	Pháp luật đại	45	B5-103 (A1-13)	4	6	4	22/10/2025	31/12/2025	107	ThS. NGUYỄN VĂN	25627, 25705
63	2510VNH021.1L01	Tiếng Việt trung	75	C206	2	1	5	29/09/2025	05/01/2026	9	TS. NGUYỄN THỊ KIM	25VNH
64	2510VNH022.1L01	Tiếng Việt trung	75	C206	3	1	5	30/09/2025	06/01/2026	9	ThS. PHAN TRẦN	25VNH
65	2510VNH023.1L01	Tiếng Việt trung	75	C206	5	1	5	02/10/2025	15/01/2026	10	TS. NGUYỄN THỊ NHƯ	25VNH
66	2510VNH024.1L01	Tiếng Việt trung	75	C206	6	1	5	03/10/2025	09/01/2026	9	ThS. BÙI THỊ DUYÊN	25VNH
67	2516TD009L01	Địa lý Việt Nam	45	K109		2	4			5	TS. NGUYỄN THU CÚC	PS24627
68	2516TD010L01	Lịch sử Việt Nam	45	K109		6	4			5	TS. LÊ THỊ MỸ HÀ	PS24627
69	2516TD011L01	Tiếng Việt thương	45	K109		2	4			5	TS. PHAN THANH TÂM	PS24627
70	2516TD017L01	Tiếng Việt trong các vấn đề đương	30	K109		2	4			5	TS. NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	PS24627
71	2516TD024L01	Văn hoá bảo đảm đời sống ở Việt	30	K109		2	4			5	ThS. TRẦN THỊ NGỌC MAI	PS24627
72	2516TD025L01	Hệ thống chính trị	30	K109		6	4			5	TS. NGUYỄN THỊ ÁNH	PS24627

*** Ghi chú:**

- Nghi lễ Quốc Khánh: Từ 01/09/2025 đến 02/09/2025
- Nghỉ Tết Dương lịch: 01/01/2026 (Thứ Năm)
- Nghỉ Tết Nguyên đán 2026: Từ 08/02/2026 đến 22/02/2026 (Từ 21/12/2025 đến 06/01/2026 Âm lịch).
- Thi học kỳ 1: Năm 2,3,4 từ 08/12 đến 20/12/2025; năm 1 từ 22/12 đến 31/12/2025.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31/10/2025

PHỤ TRÁCH GIÁO VỤ

Nguyễn Văn Thành

